

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 11 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH THUẬN

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số:60/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của HĐND xã Bình Thuận tại kỳ họp thứ 11 khoá 19 nhiệm kỳ 2016-2021 về việc phê chuẩn dự toán thu-chi ngân sách nhà nước xã Bình Thuận năm 2021;

Xét đề nghị của Văn phòng UBND xã Bình Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2021 của xã Bình Thuận (Theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

- Biểu số: 113DKTC-NSNN: Cân đối ngân sách
- Biểu số: 114DKTC-NSNN: Ước thực hiện thu
- Biểu số: 115DKTC-NSNN: Ước thực hiện chi

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, ban Tài chính xã và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- UBND huyện Đại Từ;
- Phòng Tài chính-kế hoạch huyện Đại Từ;
- Đảng ủy; HĐND; các Đoàn thể xã
- Các đồng chí trưởng xóm;
- Lưu - VPUBND

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Thúc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.504.582.000	3.500.533.406	63,59
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	57.000.000	37.221.415	65,30
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	493.000.000	298.961.991	60,64
3	Thu bổ sung	4.954.582.000	2.819.290.000	56,90
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.014.770.000	2.008.384.000	50,02
	- Bổ sung có mục tiêu	939.812.000	810.906.000	86,28
4	Thu chuyển nguồn		345.060.000	
II	TỔNG SỐ CHI	5.039.181.000	2.896.127.931	57,47
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	5.039.181.000	2.896.127.931	57,47
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

